

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2022

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn.

2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXX-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khóm 5, phường AT, thành phố HN, tỉnh DT (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp CV, xã TY, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị Q (gọi tắt là ông H, bà Q) được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng ngày 31/7/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông H và bà Q đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được ông H yêu cầu được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông H, bà Q có 01 người con chung tên Đỗ Lê Thiên Phú, sinh ngày 08/02/2016, giới tính nam. Vợ chồng ly hôn ông H đồng ý giao con chung cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Ông H và bà Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Q được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn của ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị Q; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Đỗ Văn H; bản sao giấy khai sinh tên Đỗ Lê Thiên Phú; đơn yêu cầu của ông Đỗ Văn H; Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 24/6/2021 của ông Đỗ Văn H.

Bị đơn cung cấp: Không có.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Q được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Q cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông H và bà Q là hợp pháp. Tại phiên tòa ông H trình bày lý do xin ly hôn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên ông H và bà Q đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng ông H kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà Q không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho ông H được ly hôn với bà Q.

[3]. Về con chung: Ông H, bà Q có 01 người con chung tên Đỗ Lê Thiên

Phú, sinh ngày 08/02/2016, giới tính nam. Vợ chồng ly hôn ông H đồng ý giao con cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông H và bà Q ly thân đến nay bà Q là người trực tiếp nuôi con, các bên không có tranh chấp về việc nuôi con chung, việc ông H đồng ý để bà Q tiếp tục nuôi con chung là phù hợp, đảm bảo cho con chung của ông H và bà Q ổn định cuộc sống, tránh làm thay đổi môi trường sống của trẻ nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Đỗ Lê Thiên Phú cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000728 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ông Đỗ Văn H được ly hôn với bà Lê Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Thiên Phú, sinh ngày 08/02/2016 giới tính nam cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000728 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh